



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06756/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1973  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 04/08/2025

Thời gian thử nghiệm : 04/08/2025 - 22/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                             | Phương pháp thử                         | Đơn vị            | Kết quả         | Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/ GP-BTNMT |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                 |                                         |                   | NT46            |                                                                                    |
| 1   | Lưu lượng                                                       | CEC.QTMT.N-09                           | m <sup>3</sup> /h | 114             | 4.560                                                                              |
| 2   | pH                                                              | TCVN 6492:2011                          | -                 | 6,9             | 6-9                                                                                |
| 3   | Nhiệt độ                                                        | SMEWW 2550B:2023                        | °C                | 30,4            | 40                                                                                 |
| 4   | TDS                                                             | CEC.QTMT.N-08                           | mg/L              | 535             | 500                                                                                |
| 5   | Độ màu                                                          | TCVN 6185:2015 (phương pháp C)          | Pt/Co             | 103             | 50                                                                                 |
| 6   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>                      | TCVN 6625:2000                          | mg/L              | 68              | 40,5                                                                               |
| 7   | Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>         | TCVN 6001-1:2021                        | mg/L              | 50              | 24,3                                                                               |
| 8   | Nhu cầu oxy hóa học (COD)                                       | SMEWW 5220C:2023                        | mg/L              | 108             | 60,75                                                                              |
| 9   | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | TCVN 6179-1:1996                        | mg/L              | 16,5            | 4,05                                                                               |
| 10  | Tổng Nito <sup>(a)</sup>                                        | TCVN 6638:2000                          | mg/L              | 30              | 16,2                                                                               |
| 11  | Tổng Phospho <sup>(a)</sup>                                     | TCVN 6202:2008                          | mg/L              | 6               | 3,24                                                                               |
| 12  | Clo dư                                                          | TCVN 6225-2:2021                        | mg/L              | 0,36            | 0,81                                                                               |
| 13  | Xyanua (CN <sup>-</sup> )                                       | TCVN 6181:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,002) | 0,0567                                                                             |
| 14  | Tổng Phenol                                                     | TCVN 6216:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,001) | 0,081                                                                              |
| 15  | Sunfua (S <sup>2-</sup> )                                       | TCVN 6637:2000                          | mg/L              | 0,99            | 0,162                                                                              |
| 16  | Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )                                     | SMEWW 3500 Cr B:2023                    | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,0405                                                                             |
| 17  | Crom III (Cr <sup>3+</sup> )                                    | SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023 | mg/L              | 0,13            | 0,162                                                                              |
| 18  | Đồng (Cu)                                                       | SMEWW 3111B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,02)  | 1,62                                                                               |
| 19  | Chì (Pb)                                                        | SMEWW 3113B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,081                                                                              |
| 20  | Asen (As)                                                       | SMEWW 3114B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,001) | 0,0405                                                                             |

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: /www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

|    |                       |                    |                |                    |                     |
|----|-----------------------|--------------------|----------------|--------------------|---------------------|
| 21 | Chất hoạt động bề mặt | TCVN 6622-1:2009   | mg/L           | 0,49               | 5                   |
| 22 | Tổng dầu mỡ khoáng    | SMEWW 5520B&F:2023 | mg/L           | 5,5                | 4,05                |
| 23 | Coliform              | SMEWW 9221B:2023   | MPN/<br>100 mL | 10x10 <sup>3</sup> | MÔI TRƯỜNG<br>3.000 |
| 24 | Salmonella*           | SMEWW 9260B:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | TÂM VÀ KPH<br>HÔNG  |
| 25 | Shigella*             | SMEWW 9260E:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | ÔNG KPH             |
| 26 | Vibrio Cholearae*     | SMEWW 9260H:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | NAM KPH             |

- Vị trí lấy mẫu:

- NT46: Nước thải khu XLNT (đầu vào 1).

Tọa độ: X: 1188634, Y: 0592339

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT; Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- \* Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2025

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06757/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1973  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 04/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/08/2025 - 22/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                             | Phương pháp thử                         | Đơn vị            | Kết quả         | Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                 |                                         |                   | NT47            |                                                                                   |
| 1   | Lưu lượng                                                       | CEC.QTMT.N-09                           | m <sup>3</sup> /h | 113             | 4.560                                                                             |
| 2   | pH                                                              | TCVN 6492:2011                          | -                 | 6,7             | 6-9                                                                               |
| 3   | Nhiệt độ                                                        | SMEWW 2550B:2023                        | °C                | 30,3            | 40                                                                                |
| 4   | TDS                                                             | CEC.QTMT.N-08                           | mg/L              | 491             | 500                                                                               |
| 5   | Độ màu                                                          | TCVN 6185:2015 (phương pháp C)          | Pt/Co             | 42              | 50                                                                                |
| 6   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>                      | TCVN 6625:2000                          | mg/L              | 17              | 40,5                                                                              |
| 7   | Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>         | TCVN 6001-1:2021                        | mg/L              | 41              | 24,3                                                                              |
| 8   | Nhu cầu oxy hóa học (COD)                                       | SMEWW 5220C:2023                        | mg/L              | 86              | 60,75                                                                             |
| 9   | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | TCVN 6179-1:1996                        | mg/L              | 14,9            | 4,05                                                                              |
| 10  | Tổng Nitơ <sup>(a)</sup>                                        | TCVN 6638:2000                          | mg/L              | 20              | 16,2                                                                              |
| 11  | Tổng Phospho <sup>(a)</sup>                                     | TCVN 6202:2008                          | mg/L              | 3,2             | 3,24                                                                              |
| 12  | Clo dư                                                          | TCVN 6225-2:2021                        | mg/L              | KPH (MDL=0,1)   | 0,81                                                                              |
| 13  | Xyanua (CN <sup>-</sup> )                                       | TCVN 6181:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,002) | 0,0567                                                                            |
| 14  | Tổng Phenol                                                     | TCVN 6216:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,001) | 0,081                                                                             |
| 15  | Sunfua (S <sup>2-</sup> )                                       | TCVN 6637:2000                          | mg/L              | 0,54            | 0,162                                                                             |
| 16  | Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )                                     | SMEWW 3500 Cr B:2023                    | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,0405                                                                            |
| 17  | Crom III (Cr <sup>3+</sup> )                                    | SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023 | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,162                                                                             |
| 18  | Đồng (Cu)                                                       | SMEWW 3111B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,02)  | 1,62                                                                              |
| 19  | Chì (Pb)                                                        | SMEWW 3113B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,081                                                                             |
| 20  | Asen (As)                                                       | SMEWW 3114B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,001) | 0,0405                                                                            |

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

|    |                       |                    |                |                     |       |
|----|-----------------------|--------------------|----------------|---------------------|-------|
| 21 | Chất hoạt động bề mặt | TCVN 6622-1:2009   | mg/L           | 0,29                | 5     |
| 22 | Tổng dầu mỡ khoáng    | SMEWW 5520B&F:2023 | mg/L           | 6,1                 | 4,05  |
| 23 | Coliform              | SMEWW 9221B:2023   | MPN/<br>100 mL | 8,3x10 <sup>3</sup> | 3.000 |
| 24 | Salmonella*           | SMEWW 9260B:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                 | KPH   |
| 25 | Shigella*             | SMEWW 9260E:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                 | KPH   |
| 26 | Vibrio Cholearae*     | SMEWW 9260H:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                 | KPH   |

- Vị trí lấy mẫu:

- NT47: Nước thải khu XLNT (đầu vào 2).

Tọa độ: X: 1188751 Y: 0592272

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- \* Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06758/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1973  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 04/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 04/08/2025 - 22/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                             | Phương pháp thử                         | Đơn vị            | Kết quả         | Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/ GP-BTNMT |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                 |                                         |                   | NT48            |                                                                                    |
| 1   | Lưu lượng                                                       | CEC.QTMT.N-09                           | m <sup>3</sup> /h | 120             | 4.560                                                                              |
| 2   | pH                                                              | TCVN 6492:2011                          | -                 | 7,3             | 6-9                                                                                |
| 3   | Nhiệt độ                                                        | SMEWW 2550B:2023                        | °C                | 30,1            | 40                                                                                 |
| 4   | TDS                                                             | CEC.QTMT.N-08                           | mg/L              | 185             | 500                                                                                |
| 5   | Độ màu                                                          | TCVN 6185:2015 (phương pháp C)          | Pt/Co             | 20              | 50                                                                                 |
| 6   | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>                      | TCVN 6625:2000                          | mg/L              | 18              | 40,5                                                                               |
| 7   | Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>         | TCVN 6001-1:2021                        | mg/L              | 19              | 24,3                                                                               |
| 8   | Nhu cầu oxy hóa học (COD)                                       | SMEWW 5220C:2023                        | mg/L              | 44              | 60,75                                                                              |
| 9   | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(a)</sup> | TCVN 6179-1:1996                        | mg/L              | 0,48            | 4,05                                                                               |
| 10  | Tổng Nitơ <sup>(a)</sup>                                        | TCVN 6638:2000                          | mg/L              | 9               | 16,2                                                                               |
| 11  | Tổng Phospho <sup>(a)</sup>                                     | TCVN 6202:2008                          | mg/L              | 0,74            | 3,24                                                                               |
| 12  | Clo dư                                                          | TCVN 6225-2:2021                        | mg/L              | KPH (MDL=0,1)   | 0,81                                                                               |
| 13  | Xyanua (CN <sup>-</sup> )                                       | TCVN 6181:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,002) | 0,0567                                                                             |
| 14  | Tổng Phenol                                                     | TCVN 6216:1996                          | mg/L              | KPH (MDL=0,001) | 0,081                                                                              |
| 15  | Sunfua (S <sup>2-</sup> )                                       | TCVN 6637:2000                          | mg/L              | 0,12            | 0,162                                                                              |
| 16  | Crom VI (Cr <sup>6+</sup> )                                     | SMEWW 3500 Cr B:2023                    | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,0405                                                                             |
| 17  | Crom III (Cr <sup>3+</sup> )                                    | SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500 Cr B:2023 | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,162                                                                              |
| 18  | Đồng (Cu)                                                       | SMEWW 3111B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,02)  | 1,62                                                                               |
| 19  | Chì (Pb)                                                        | SMEWW 3113B:2023                        | mg/L              | KPH (MDL=0,003) | 0,081                                                                              |

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

|    |                       |                    |                |                    |            |
|----|-----------------------|--------------------|----------------|--------------------|------------|
| 20 | Asen (As)             | SMEWW 3114B:2023   | mg/L           | KPH<br>(MDL=0,001) | 0,0405     |
| 21 | Chất hoạt động bề mặt | TCVN 6622-1:2009   | mg/L           | KPH<br>(MDL=0,03)  | 4,05       |
| 22 | Tổng dầu mỡ khoáng    | SMEWW 5520B&F:2023 | mg/L           | 2                  | 3,000      |
| 23 | Coliform              | SMEWW 9221B:2023   | MPN/<br>100 mL | 700                | TRƯỜNG KPH |
| 24 | Salmonella*           | SMEWW 9260B:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | KPH        |
| 25 | Shigella*             | SMEWW 9260E:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | KPH        |
| 26 | Vibrio Cholearae*     | SMEWW 9260H:2017   | CFU/<br>100mL  | KPH                | KPH        |

- Vị trí lấy mẫu:

- NT48: Nước thải khu XLNT (dầu ra).

Tọa độ: X: 1188807, Y: 0592289

- Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT: Giá trị giới hạn tối đa cho phép của thông số ô nhiễm theo giấy phép 308/GP-BTNMT

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

- \* Chỉ tiêu thực hiện bởi (Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm thực phẩm và môi trường Navitek - VIMCERTS 304);

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06884/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1980  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 06/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT03    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.800  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 55      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT03: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188722.914, Y= 592524.804

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06885/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1980  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 06/08/2025

Thời gian thử nghiệm : 06/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT04    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.040  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 64      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT04: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188722.605, Y= 592524.197

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06886/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1980  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 06/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT05    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 5.460   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 60      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT05: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188722.603, Y= 592523.285

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

  
Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06806/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/<br>BTNMT        |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT06    | Cột B,<br>Kp=0,8 và<br>Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 5.580   | -                             |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 64      | 96                            |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT06: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188722.293, Y= 592522.375

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

  
Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06807/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT07    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 5,460   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 56      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT07: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 5.

Tọa độ: X= 1188722.291, Y= 592521.463

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http : <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06808/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT08    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 5.700   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 70      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT08: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 6.

Tọa độ: X= 1188721.981, Y= 592520.553

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06809/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT09    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.280  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 69      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT09: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 7.

Tọa độ: X: 1188741,681, Y: 0592533,259

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http : <http://www.cec.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06810/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT10    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.280  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 72      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT10: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 8.

Tọa độ: X: 1188736,464, Y: 0592535,704

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06811/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2047  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT11    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.340  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 66      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT11: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 9.

Tọa độ: X: 1188734,619, Y: 0592535,406

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07105/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2049  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 – 29/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT12    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.340  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 52      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT12: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 10.

Tọa độ: X: 1188733,698, Y: 0592535,408

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07106/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2049  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 – 29/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/<br>BTNMT        |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT13    | Cột B,<br>Kp=0,8 và<br>Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.560  | -                             |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 55      | 96                            |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT13: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 11.

Tọa độ: X: 1188738,616, Y: 0592536,002

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thành Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06815/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT14    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.620  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 49      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT14: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 12.

Tọa độ: X: 1188742,628, Y: 0592542,676

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06816/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT15    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 14.400  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 57      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT15: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 13.

Tọa độ: X: 1188732,484, Y: 0592540,881

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06817/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN<br>19:2009/<br>BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT16    | Cột B,<br>Kp=0,8 và<br>Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.220  | -                             |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 66      | 96                            |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT16: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu A6 - vị trí 14.

Tọa độ: X: 1188736,152, Y: 0592533,882

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07109/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2049  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 – 29/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT17    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.200  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 77      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT17: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu B5 - Vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188755.22, Y= 592651.717

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 07110/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2049  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 – 29/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT18    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 9.540   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 79      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT18: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu B5 - Vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188755.83, Y= 592650.196

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06839/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chi tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT25    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 9.840   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 53      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT25: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188812.601, Y= 592956.911

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo



TL. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06840/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT26    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.020  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 69      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT26: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188812.603, Y= 592957.519

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06841/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT27    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.860  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 64      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT27: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188812.916, Y= 592959.645

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06842/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT28    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.860  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 62      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT28: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu D3 - vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188812.917, Y= 592960.253

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06845/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT33    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 7,980   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 55      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT33: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188686.372, Y= 592866.111

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06846/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT34    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 7.920   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 62      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT34: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188684.222, Y= 592866.421

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06847/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT35    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 8.340   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 58      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT35: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188685.15, Y= 592868.545

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06848/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT36    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 8.400   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 63      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT36: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn mài để phát sinh tại khu K2a - vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188685.462, Y= 592870.367

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06844/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT47    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 5.700   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 60      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT47: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188831.768, Y= 592666.393

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06849/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT48    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 9.900   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 70      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT48: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188834.53, Y= 592665.17

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06850/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2050  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 08/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 08/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT49    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.160  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 67      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT49: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu B5 - vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188838.83, Y= 592664.551

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

Vũ Thanh Thảo

TL. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06854/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT51    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 9.960   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 63      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT51: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu D6.

Tọa độ: X= 1188891.59, Y= 593075.795

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06799/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1974  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT52    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 11.220  | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 64      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT52: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K6.

Tọa độ: X=1188433.969, Y=592925.754

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06800/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1974  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT53    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 6.360   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 70      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT53: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K8 - vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188385.944, Y= 592892.465

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

  
Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06801/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1974  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT54    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 6.600   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 70      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT54: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn phối liệu phát sinh tại khu K8 - vị trí 2.

Tọa độ: X= 1188372.317, Y= 592853.612

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

  
Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06855/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|---------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                     |                 |                    | KT55    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Lưu lượng           | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 4.920   | -                       |
| 2   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 72      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT55: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn cắt CNC phát sinh tại khu M1.

Tọa độ: X: 1188690.259, Y: 0593049.009

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06812/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|-----------------------------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT56           |                                               |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 33             | -                                             |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 6.120          | -                                             |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 68             | 96                                            |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>                              |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(2)</sup>                            |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(2)</sup>                            |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT56: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giày, dép tại khu Y3 - Vị trí 1.

Tọa độ: X= 1188518.414, Y= 593128.483.

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup> QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06813/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN<br>19:2009/BTNMT<br>Cột B, Kp=0,8 và<br>Kv=0,6 |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|-----------------------------------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT57           |                                                     |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 33             | -                                                   |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 12.000         | -                                                   |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 70             | 96                                                  |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>                                    |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>                                  |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>                                  |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT57: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giày, dép tại khu Y3 - Vị trí 2.

Tọa độ: X=1188516.26, Y=593127.577

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup>QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P: Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06814/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2051  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 11/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 11/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|-------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT58           | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 32             | -                       |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 7.740          | -                       |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 75             | 96                      |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>        |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>      |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT58: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dép tại khu Y3 - Vị trí 3.

Tọa độ: X= 1188518.101, Y= 593126.661

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup> QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06851/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|-------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT59           | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 32             | -                       |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 15.240         | -                       |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 76             | 96                      |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>        |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>      |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT59: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dép tại khu Y3 - Vị trí 4.

Tọa độ: X= 1188512.547, Y= 593118.169

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup>QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06852/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị                  | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------------|-------------------------|----------------|-------------------------|
|     |                     |                       |                         | KT60           | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | $^{\circ}\text{C}$      | 32             | -                       |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | $\text{m}^3/\text{h}$   | 7.740          | -                       |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | $\text{mg}/\text{Nm}^3$ | 70             | 96                      |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | $\text{mg}/\text{Nm}^3$ | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>        |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | $\text{mg}/\text{Nm}^3$ | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>      |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | $\text{mg}/\text{Nm}^3$ | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT60: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dép tại khu Y3 - Vị trí 5.

Tọa độ: X= 1188513.157, Y= 593116.648

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup> QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06853/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025

Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT<br>Cột B, Kp=0,8 và<br>Kv=0,6 |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|--------------------------------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT61           |                                                  |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 32             | -                                                |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 7.800          | -                                                |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 74             | 96                                               |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>                                 |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>                               |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>                               |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT61: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn giấy, dếp tại khu Y3 - Vị trí 6.

Tọa độ: X= 1188517.155, Y= 593117.852

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup>QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06843/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2048  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 07/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 07/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị             | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------------|--------------------|----------------|-------------------------|
|     |                     |                       |                    | KT66           | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | °C                 | 35             | -                       |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | m <sup>3</sup> /h  | 11.160         | -                       |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | mg/Nm <sup>3</sup> | 55             | 96                      |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>        |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>      |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | mg/Nm <sup>3</sup> | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT66: Ống khí thải HTXL khí tổ hợp (túi vải + hấp phụ than hoạt tính + hấp thụ NaOH).

Tọa độ: X:1188921,724, Y: 592973,319

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup>QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06856/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.2053  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 12/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 12/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp thử       | Đơn vị      | Kết quả        | QCVN 19:2009/BTNMT      |
|-----|---------------------|-----------------------|-------------|----------------|-------------------------|
|     |                     |                       |             | KT67           | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ            | CEC.QTMT.KT-05        | $^{\circ}C$ | 33             | -                       |
| 2   | Lưu lượng           | US EPA Method 2       | $m^3/h$     | 11.400         | -                       |
| 3   | Bụi tổng (PM)       | US EPA Method 5       | $mg/Nm^3$   | 67             | 96                      |
| 4   | Benzene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | $mg/Nm^3$   | KPH (MDL=0,01) | 5 <sup>(1)</sup>        |
| 5   | Toluene             | PD CEN/ TS 13649:2014 | $mg/Nm^3$   | KPH (MDL=0,01) | 750 <sup>(1)</sup>      |
| 6   | Xylen               | PD CEN/ TS 13649:2014 | $mg/Nm^3$   | KPH (MDL=0,01) | 870 <sup>(1)</sup>      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT67: Ống khí thải hệ thống xử lý bụi sơn và VOCs phát sinh từ công đoạn phun sơn khuôn đế giấy tại khu M1.

Tọa độ: X= 1188477,835, Y= 592026,871

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- <sup>(1)</sup>QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ – TP. Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06802/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1974  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                        | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                                                            |                 |                    | KT68    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ                                                   | CEC.QTMT.KT-05  | °C                 | 112     | -                       |
| 2   | Lưu lượng                                                  | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 10.740  | -                       |
| 3   | Cacbon monoxit (CO)                                        | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm <sup>3</sup> | 54,72   | 480                     |
| 4   | Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ) | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm <sup>3</sup> | 131,79  | 408                     |
| 5   | Bụi tổng (PM)                                              | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 51      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT68: Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (6 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K5.

Tọa độ: X=1188477.831, Y=592676.183

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06803/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1974  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 05/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 05/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                        | Phương pháp thử | Đơn vị | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------------|--------|---------|-------------------------|
|     |                                                            |                 |        | KT69    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ                                                   | CEC.QTMT.KT-05  | °C     | 102     | -                       |
| 2   | Lưu lượng                                                  | US EPA Method 2 | m³/h   | 11.340  | -                       |
| 3   | Cacbon monoxit (CO)                                        | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm³ | 51,30   | 480                     |
| 4   | Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ) | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm³ | 97,20   | 408                     |
| 5   | Bụi tổng (PM)                                              | US EPA Method 5 | mg/Nm³ | 62      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT69: Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (6 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K8.

Tọa độ: X= 1188422.356, Y= 592948.574

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 06883/2025/PKQ

Khách hàng : Công ty TNHH Pouyuen Việt Nam  
Địa chỉ : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Địa điểm quan trắc : Số D10/89Q, Đường Lê Đức Anh, Phường Tân Tạo, Thành phố Hồ Chí Minh  
Mã đơn hàng : 25.1980  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 06/08/2025 Thời gian thử nghiệm : 06/08/2025 - 25/08/2025

| Stt | Chỉ tiêu thử nghiệm                                        | Phương pháp thử | Đơn vị             | Kết quả | QCVN 19:2009/ BTNMT     |
|-----|------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|---------|-------------------------|
|     |                                                            |                 |                    | KT70    | Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6 |
| 1   | Nhiệt độ                                                   | CEC.QTMT.KT-05  | °C                 | 104     | -                       |
| 2   | Lưu lượng                                                  | US EPA Method 2 | m <sup>3</sup> /h  | 6.600   | -                       |
| 3   | Cacbon monoxit (CO)                                        | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm <sup>3</sup> | 45,60   | 480                     |
| 4   | Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ) | CEC.QTMT.KT-06  | mg/Nm <sup>3</sup> | 90,80   | 408                     |
| 5   | Bụi tổng (PM)                                              | US EPA Method 5 | mg/Nm <sup>3</sup> | 74      | 96                      |

- Vị trí lấy mẫu:

- KT70: Ống khí thải hệ thống xử lý khí thải lò hơi (5 tấn hơi/h) đặt tại xưởng K9.

Tọa độ: X= 1188336.275, Y= 592709.085

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B, Kp=0,8 và Kv=0,6: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Vũ Thanh Thảo



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025